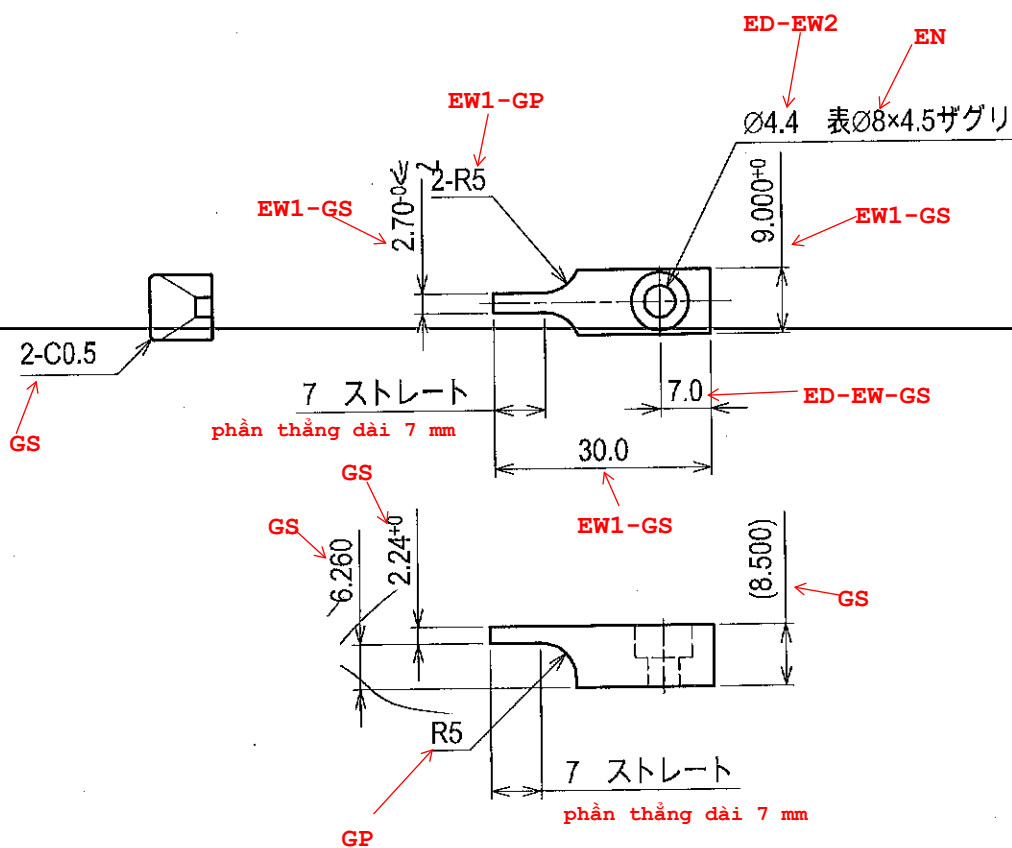


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2009/04/14	9117		K.Hihara	Y.Takahashi	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G (FL)			



79 x 12 x 33

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
K.Hihara	Y.Takahashi	部品図		角穴パンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		SQUARE HOLE BLANKING PUNCH	
		部品図		方孔冲頭	
HRC		部品図		方孔冲头	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2009/04/14	1:1		S788540	

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

SNO: **S788540**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T9*12*33	EW1:30 ED:10 EW2:20 GS:90 EN:60 GP:60 KT